

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Số: 152/2022/TPS-CV
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận
Năm 2021 so với Năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) giải trình về việc Kết quả kinh doanh năm 2021 biến động trên 10% so với kết quả kinh doanh năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	1,359,595,840,740	400,461,804,785	959,134,035,955	239.51%
	Doanh thu thực hiện	1,003,395,713,703	385,030,023,235	618,365,690,468	
	Doanh thu đánh giá FVTPL	356,200,127,037	15,431,781,550	340,768,345,487	
2	Chi phí	1,088,248,477,044	296,752,244,171	791,496,232,873	266.72%
	Chi phí thực hiện	795,115,146,110	289,640,289,866	505,474,856,244	
	Chi phí đánh giá FVTPL	293,133,330,934	7,111,954,305	286,021,376,629	
3	Lợi nhuận trước thuế	271,347,363,696	103,709,560,614	167,637,803,082	161.64%
4	Chi phí thuế TNDN	60,663,301,261	14,443,564,655	46,219,736,606	320.00%
5	Lợi nhuận sau thuế	210,684,062,435	89,265,995,959	121,418,066,476	136.02%

Doanh thu năm 2021 đạt hơn 1.359 tỷ đồng, tăng 239.51% so với năm 2020.

Chi phí năm 2021 đạt hơn 1.088 tỷ đồng, tăng hơn 266.72%% so với năm 2020.

Trong năm 2021, doanh thu của công ty tăng trưởng đều ở các hoạt động, bao gồm hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của năm 2021 đạt được hơn 210 tỷ đồng, tăng 136.02% so với cùng năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TIÊN PHONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 59

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch	15/03/2021	
Ông Trần Sơn Hải	Phó Chủ tịch	15/03/2021	
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên độc lập	15/03/2021	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	15/03/2021	
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên	19/06/2020	
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên	19/06/2020	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Trần Sơn Hải	Tổng Giám đốc	04/10/2019	
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Giám đốc khối tài chính	16/04/2019	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TRẦN SON HẢI - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2022, từ trang 6 đến trang 59, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		4.732.110.458.851	2.172.960.074.502
I.	Tài sản tài chính	110		4.724.395.803.934	2.169.121.731.195
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	108.175.805.100	1.002.117.958.872
1.1.	Tiền	111.1		108.175.805.100	1.002.117.958.872
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3a	1.821.154.621.941	450.490.918.650
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3b	346.050.000.000	-
4.	Các khoản cho vay	114	V.3c	1.826.492.808.483	127.817.183.500
5.	Các khoản phải thu	117	V.4a	3.586.027.908	695.000.000
5.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		365.700.000	695.000.000
5.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		3.220.327.908	-
5.2.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3.220.327.908	-
6.	Trả trước cho người bán	118	V.4b	42.128.999.749	512.551.667.980
7.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4c	564.495.669.304	62.742.833.058
8.	Các khoản phải thu khác	122	V.4d	12.311.871.449	12.706.169.135
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		7.714.654.917	3.838.343.307
1.	Tạm ứng	131		-	562.451.671
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5a	7.664.654.917	1.090.385.434
3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.6a	50.000.000	20.000.000
4.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	V.13	-	2.165.506.202
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		31.959.577.224	25.603.536.023
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		15.802.016.211	6.956.397.665
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.065.947.167	3.230.140.480
	Nguyên giá	222		12.770.114.109	9.118.477.729
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(7.704.166.942)	(5.888.337.249)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.736.069.044	3.726.257.185
	Nguyên giá	228		21.000.673.589	10.953.787.564
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(10.264.604.545)	(7.227.530.379)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	V.9	1.871.980.484	425.882.609
V.	Tài sản dài hạn khác	250		14.285.580.529	18.221.255.749
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.6b	4.122.629.317	2.265.293.833
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5b	3.293.014.511	5.501.756.869
3.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253	V.10	2.311.975.549	6.353.177.853
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.11	4.557.961.152	4.101.027.194
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.764.070.036.075	2.198.563.610.525

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		2.591.992.675.682	1.238.047.594.567
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		591.992.675.682	238.047.594.567
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.12	346.050.000.000	-
1.1.	<i>Vay ngắn hạn</i>	312		346.050.000.000	-
2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		66.119.930.930	55.406.916.000
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		151.596.500	324.237.500
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.13	41.638.641.968	7.122.594.274
5.	Phải trả người lao động	323		18.117.898.679	8.570.186.519
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.14	31.407.855.799	33.565.253.669
7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		22.902.578.775	31.151.123.629
8.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.15	65.604.173.031	101.907.282.976
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	V.16	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		2.172.077.360.393	960.516.015.958
I.	Vốn chủ sở hữu	410		2.172.077.360.393	960.516.015.958
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	2.000.877.282.000	1.000.000.000.000
1.1.	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
a.	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	411.1a		2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2.	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	411.2		877.282.000	-
2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		8.560.003.920	-
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		8.560.003.920	-
4.	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.18	154.080.070.553	(39.483.984.042)
4.1.	<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	417.1		163.894.364.178	(45.270.770.467)
4.2.	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		(9.814.293.625)	5.786.786.425
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		4.764.070.036.075	2.198.563.610.525

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.19a	407.840.282.311	408.234.835.519
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.17	200.000.000	100.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.19b	288.519.140.000	227.218.270.000
4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	V.19c	10.000	1.511.500.000
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.19d	1.204.389.878.000	98.100.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.19e	6.754.373.835.000	3.107.055.785.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>4.630.975.565.000</i>	<i>1.113.855.545.000</i>
<i>b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>021.4</i>		<i>2.005.878.280.000</i>	<i>1.966.554.330.000</i>
<i>c. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>117.519.990.000</i>	<i>26.645.910.000</i>
2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	V.19f	415.532.280.500	24.349.090.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026		362.210.336.430	182.001.020.004
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	V.19g	362.210.336.430	154.001.020.004
3.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	V.19h	-	28.000.000.000
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.19i	362.210.336.430	154.001.020.004
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		322.286.210.856	153.425.112.018
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		39.924.125.574	575.907.986
5. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	V.19j	-	28.000.000.000
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.19k	1.453.434.659	1.606.627.659



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃU B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		356.200.127.037	15.431.781.550
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1	233.691.667.669	4.054.547.038
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VI.2	9.436.288.017	1.157.191.264
c. Có tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.3	113.072.171.351	10.220.043.248
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	781.363.013	5.753.425
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.3	79.107.769.862	1.249.873.023
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.4	83.290.643.746	18.714.861.029
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.4	-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VI.4	17.526.317.078	6.368.409.091
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.4	181.745.533.480	26.669.182.107
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.4	623.773.155.291	306.470.205.479
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.4	3.603.888.975	15.215.117.574
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		1.346.028.798.482	390.125.183.278
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		293.133.330.934	7.111.954.305
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VI.1	271.457.841.995	5.221.666.414
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2	20.996.165.763	1.771.956.900
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		679.323.176	118.330.991
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.5	309.103.507	144.000.000
2.3. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.5	75.833.593.997	11.870.411.833
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.5	160.476.849.531	31.067.004.543
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.5	251.338.494.889	152.912.872.528
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		781.091.372.858	203.106.243.209
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu có tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.6	1.380.133.783	380.759.736
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		1.380.133.783	380.759.736
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52	VI.7	178.859.236.998	41.400.067.222
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		178.859.236.998	41.400.067.222
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.8	121.848.844.780	52.227.427.129
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		265.609.477.629	93.772.205.454

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	VI.9	12.186.908.475	9.955.861.771
8.2. Chi phí khác	72		6.449.022.408	18.506.611
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80		5.737.886.067	9.937.355.160
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		271.347.363.696	103.709.560.614
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		282.907.241.442	104.324.326.250
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(11.559.877.746)	(614.765.636)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		60.663.301.261	14.443.564.655
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.10	56.622.098.957	17.380.420.084
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.11	4.041.202.304	(2.936.855.429)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		210.684.062.435	89.265.995.959
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập (lỗ) toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.12a	1.447	1.590
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.12b	1.447	1.590



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B03a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		271.347.363.696	103.709.560.614
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		181.451.715.969	42.408.369.253
- Khấu hao TSCĐ	03		5.728.244.379	1.167.700.570
- Chi phí lãi vay	06		178.859.236.998	41.400.067.222
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	18.506.250
- Dự thu tiền lãi	08		(3.220.327.908)	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		84.562.500	(177.904.789)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		20.996.165.763	1.771.956.900
Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		20.996.165.763	1.771.956.900
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(9.436.288.017)	(1.157.191.264)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		(9.436.288.017)	(1.157.191.264)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(3.687.726.865.134)	(840.596.751.271)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1.382.223.581.037)	(447.244.683.966)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(346.050.000.000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1.698.675.624.983)	(126.390.802.991)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		329.300.000	(695.000.000)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(501.752.836.246)	(60.122.405.391)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		394.297.686	32.251.464.380
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(1.781.817.771)	133.375.729.027
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(9.592.328.146)	66.700.901.742
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(4.365.527.125)	1.824.418.183
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		(44.451.884.210)	(19.545.926.286)
- (-) Lãi vay đã trả	44	VII	(160.711.291.792)	(31.498.697.359)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	VII	471.647.031.980	(510.134.343.910)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(845.000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm chi phí lãi vay phải trả)	47		24.511.339.149	16.429.319
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		9.547.712.160	7.048.866.519
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(44.551.654.799)	113.818.144.462
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	60		<i>(3.223.367.907.723)</i>	<i>(693.864.055.768)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VII	(17.501.528.049)	(6.133.824.709)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	70		<i>(17.501.528.049)</i>	<i>(6.133.824.709)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		1.000.877.282.000	600.000.000.000
2. Tiền vay gốc	73		4.410.510.500.000	1.469.859.320.772
2.1 Tiền vay khác	73.2		4.410.510.500.000	1.469.859.320.772
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(3.064.460.500.000)	(484.859.320.772)
2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(3.064.460.500.000)	(484.859.320.772)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80		<i>2.346.927.282.000</i>	<i>1.585.000.000.000</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(893.942.153.772)	885.002.119.523
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	1.002.117.958.872	117.115.839.349
Tiền	101.1		1.002.117.958.872	117.115.839.349
V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	108.175.805.100	1.002.117.958.872
Tiền	103.1		108.175.805.100	1.002.117.958.872

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		35.932.871.426.831	2.513.795.385.550
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(34.215.617.109.002)	(2.055.727.078.000)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		50.293.025.404.408	2.133.746.778.247
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(51.800.058.629.513)	(2.450.197.832.850)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(2.011.776.298)	(1.043.805.736)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		33.609.603.316.099	4.947.766.798.740
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(33.637.603.316.099)	(4.935.966.798.740)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		180.209.316.426	152.373.447.211
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		182.001.020.004	29.627.572.793
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		182.001.020.004	29.627.572.793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	V.19g	154.001.020.004	13.427.572.793
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	V.19h	28.000.000.000	16.200.000.000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		362.210.336.430	182.001.020.004
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		362.210.336.430	182.001.020.004
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	V.19g	362.210.336.430	154.001.020.004
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	V.19h	-	28.000.000.000



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND;
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT;
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc;
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán;
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:
 - ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc;
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
 - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND;
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 6 tháng 8 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND tăng lên 2.000.000.000.000 VND;
- Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ “Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh” sang “Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 10 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 4 tháng 11 năm 2021 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh số 1875/TB-SGDHCM ngày 28 tháng 10 năm 2021 với mã chứng khoán là ORS.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 2.000.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 200.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 4 và tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
 - Fax : (84-028) 3911 8015
 - Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận
Ba Đình, Thành phố Hà Nội

2. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành vào ngày 15 tháng 9 năm 2006 và được sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 6 tháng 8 năm 2021.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

4. Quy mô vốn

Quy mô vốn của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	2.172.077.360.393	960.516.015.958
Tổng tài sản	4.764.070.036.075	2.198.563.610.525

5. Mục tiêu đầu tư

Là Công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành đối tác của khách hàng, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

6. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về “Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán”:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.
- 7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh lãi 210.684.062.435 VND, tăng đáng kể so với năm trước là 121.418.066.476 VND tương đương với tỷ lệ tăng là 136%, nguyên nhân chủ yếu là trong năm Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND tăng lên 2.000.000.000.000 VND nhằm bổ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sung vốn cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả tự doanh cũng như các hoạt động đầu tư khác của Công ty đạt lợi nhuận cao.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

9. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 234 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công văn số 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được xếp vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - + Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - + Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - + Là 1 công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính này sẽ được trình bày một cách hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - + Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị theo các cơ sở khác nhau;
 - + Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá hợp lý.

Khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phát sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phát sinh đã được CTCK xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường / giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản vay). Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên chi tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

b) Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của các tài sản tài chính được xác định như sau:

Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá đánh giá giá trị chứng khoán. Hoặc: là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán./ Hoặc: là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

d) Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong Vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Nếu tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại vào nhóm cho vay và phải thu, trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và các khoản tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải được định giá theo giá hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN”.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư, khoản phải thu đầu tư đến hạn, các khoản cam kết mùa và bán lại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết,...

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” và “Chi phí các dịch vụ khác”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các hợp đồng mua/bán và cam kết bán/mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ như chính sách các khoản phải thu nêu trên.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định hữu hình được nhượng bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do nhượng bán, thanh lý (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc thanh lý tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

11. Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Trái phiếu phát hành - Trái phiếu thường

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng giá trị trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội theo từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ từng khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí đi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi suất thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả cho từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ BHXH thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng BHXH cho mỗi nhân viên bằng 17,5% mức lương tham gia BHXH hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho BHXH hàng tháng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động”: Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia BHTN theo quy định của pháp luật về BHTN và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng BHTN với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng BHTN của những người tham gia BHTN và 1% tiền lương, tiền công tháng đóng BHTN của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

15. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTP và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

16. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

17. Chi phí

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải nộp (hoặc tài sản thuế thu nhập hiện hành) cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp cần được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016, Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công văn số 6190/BTC-CDKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	6.511.402	8.011.957
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	108.169.293.698	1.002.109.946.915
Cộng	108.175.805.100	1.002.117.958.872

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa CTCK	677.907.333	61.852.329.112.011
Cổ phiếu	136.798.079	4.131.229.617.100
Trái phiếu	541.109.254	57.721.099.494.911
b) Cửa Nhà đầu tư	2.071.291.627	72.739.252.351.896
Cổ phiếu	1.888.632.873	54.404.879.226.900
Trái phiếu	177.714.354	18.321.914.225.996
Chứng khoán khác	4.944.400	12.458.899.000
Cộng	2.749.198.960	134.591.581.463.907

3. Các loại tài sản tài chính**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	382.668.807.855	385.976.507.050	292.015.659.250	291.390.918.650
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	803.400.000	587.100.000	803.400.000	587.100.000
Ngân hàng TMCP Nam Việt	1.368.104	2.936.000	13.625.783.138	14.206.920.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	-	-	141.592.000.000	141.592.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	21.985.250.000	22.502.550.000
Công ty Cổ phần Bambo Capital	137.645.169.400	141.189.680.200	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	53.762.910.000	51.040.000.000	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	108.198.226.881	109.701.653.600	-	-
Các công ty khác	82.257.733.470	83.455.137.250	9.226.112	2.348.650
Trái phiếu niêm yết	172.056.295.109	169.788.236.891	-	-
Tổng Công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc	172.056.295.109	169.788.236.891	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	145.900.000.000	145.900.000.000	143.000.000.000	143.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	2.900.000.000	2.900.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	775.694.010.151	762.528.100.000	16.041.650.828	16.100.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	202.904.995.599	200.216.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	205.207.684.157	200.182.900.000	16.041.650.828	16.100.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	203.798.000.000	200.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	198.080.484	188.400.000	-	-
Công ty Cổ phần BCG Land	16.577.723.632	16.190.100.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM	821.550.238	791.900.000	-	-
Các công ty khác	46.185.976.041	44.958.200.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	356.961.778.000	356.961.778.000	-	-
Công ty TC TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	100.945.300.000	100.945.300.000	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt	152.219.178.000	152.219.178.000	-	-
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	103.797.300.000	103.797.300.000	-	-
Cộng	1.833.280.891.115	1.821.154.621.941	451.057.310.078	450.490.918.650

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TM CP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-
	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-
Cộng	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-

Công ty thực hiện gửi tiền tại ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Hợp đồng tiền gửi số 1229/HĐTG-ĐCTC ngày 17 tháng 12 năm 2021, kỳ hạn 367 ngày và lãi suất 5%/năm.

c) Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ (*)	1.589.434.768.857	1.589.434.768.857	23.283.332.086	23.283.332.086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán (**)	237.058.039.626	237.058.039.626	104.533.851.414	104.533.851.414
Cộng	1.826.492.808.483	1.826.492.808.483	127.817.183.500	127.817.183.500

(*) Công ty cho khách hàng vay khi khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán tại sàn của TPS căn cứ vào lượng giao dịch và tiền đang ký quỹ tại Công ty để thực hiện, lãi suất tính theo quy định trên hợp đồng.

(**) Đây là khoản ứng trước cho khách hàng về giao dịch chứng khoán. Công ty sẽ căn cứ vào số dư giao dịch của nhà đầu tư mà thực hiện ứng trước tiền 70% trên số dư tiền hoặc chứng khoán tại ngày ứng. Khoản tiền này sẽ được thu hồi sau khi tiền về tài khoản nhà đầu tư sau từ 2 - 5 ngày khi cho vay ứng trước.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**đ) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường**

Số cuối năm	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản tài chính FVTPL	1.833.280.891.115	1.821.154.621.941	9.436.288.017	(20.996.165.763)	1.821.154.621.941
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>382.668.807.855</i>	<i>385.976.507.050</i>	<i>9.435.977.157</i>	<i>(5.561.886.534)</i>	<i>385.976.507.050</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803.400.000	587.100.000			587.100.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.368.104	2.936.000	1.567.896	(581.136.862)	2.936.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	-	-		(517.300.000)	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	1.500.000.000		-
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	137.645.169.400	141.189.680.200	3.544.510.800		141.189.680.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	53.762.910.000	51.040.000.000		(2.722.910.000)	51.040.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	108.198.226.881	109.701.653.600	1.503.426.719		109.701.653.600
Các công ty khác	82.257.733.470	83.455.137.250	2.886.471.742	(1.740.539.672)	83.455.137.250
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>145.900.000.000</i>	<i>145.900.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>145.900.000.000</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140.000.000.000	140.000.000.000			140.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	2.900.000.000	2.900.000.000			2.900.000.000
<i>Trái phiếu niêm yết</i>	<i>172.056.295.109</i>	<i>169.788.236.891</i>	<i>-</i>	<i>(2.268.058.218)</i>	<i>169.788.236.891</i>
Tổng Công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc	172.056.295.109	169.788.236.891		(2.268.058.218)	169.788.236.891
<i>Trái phiếu chưa niêm yết</i>	<i>775.694.010.151</i>	<i>762.528.100.000</i>	<i>310.860</i>	<i>(13.166.221.011)</i>	<i>762.528.100.000</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	202.904.995.599	200.216.600.000		(2.688.395.599)	200.216.600.000
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	205.207.684.157	200.182.900.000		(5.024.784.157)	200.182.900.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	100.000.000.000	100.000.000.000			100.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	203.798.000.000	200.000.000.000	-	(3.798.000.000)	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	198.080.484	188.400.000	-	(9.680.484)	188.400.000
Công ty Cổ phần BCG Land	16.577.723.632	16.190.100.000	-	(387.623.632)	16.190.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM	1.112.970.564	1.066.300.000		(46.670.564)	1.066.300.000
Các công ty khác	45.894.555.715	44.683.800.000	310.860	(1.211.066.575)	44.683.800.000
Chứng chỉ tiền gửi	356.961.778.000	356.961.778.000	-	-	356.961.778.000
Công ty TC TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	100.945.300.000	100.945.300.000			100.945.300.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	152.219.178.000	152.219.178.000			152.219.178.000
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	103.797.300.000	103.797.300.000			103.797.300.000
Các khoản đầu tư HTM	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-	346.050.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-	346.050.000.000
Ngân hàng TM CP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	346.050.000.000	346.050.000.000			346.050.000.000
Các khoản cho vay	1.826.492.808.483	1.826.492.808.483	-	-	1.826.492.808.483
Cho vay hoạt động Giao dịch ký quỹ	1.589.434.768.857	1.589.434.768.857			1.589.434.768.857
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	237.058.039.626	237.058.039.626			237.058.039.626
Cộng	4.005.823.699.598	3.993.697.430.424	9.436.288.017	(20.996.165.763)	3.993.697.430.424

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Số đầu năm**

	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước		Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
		Giá trị hợp lý kỳ trước	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	
Tài sản tài chính FVTPL	451.057.310.078	450.490.918.650	1.157.580.027	(1.723.971.455)	450.490.918.650	
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>292.015.659.250</i>	<i>291.390.918.650</i>	<i>1.099.230.855</i>	<i>(1.723.971.455)</i>	<i>291.390.918.650</i>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803.400.000	587.100.000	-	(216.300.000)	587.100.000	
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	13.625.783.138	14.206.920.000	581.136.862	-	14.206.920.000	
Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	21.985.250.000	22.502.550.000	517.300.000	-	22.502.550.000	
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	114.000.000.000	112.500.000.000	-	(1.500.000.000)	112.500.000.000	
Các công ty khác	141.601.226.112	141.594.348.650	793.993	(7.671.455)	141.594.348.650	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>143.000.000.000</i>	<i>143.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>143.000.000.000</i>	
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vinh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	-	-	-	-	-	
Trái phiếu chưa niêm yết	16.041.650.828	16.100.000.000	58.349.172	-	16.100.000.000	
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	16.041.650.828	16.100.000.000	58.349.172	-	16.100.000.000	
Các khoản cho vay	127.817.183.500	127.817.183.500	-	-	127.817.183.500	
Cho vay hoạt động Giao dịch ký quỹ	23.283.332.086	23.283.332.086	-	-	23.283.332.086	
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	104.533.851.414	104.533.851.414	-	-	104.533.851.414	
Cộng	578.874.493.578	578.308.102.150	1.157.580.027	(1.723.971.455)	578.308.102.150	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	3.586.027.908	695.000.000
Phải thu bán các tài sản tài chính	365.700.000	695.000.000
Lãi dự thu	3.220.327.908	-
b) Trả trước cho người bán	42.128.999.749	512.551.667.980
<i>Công ty Cổ phần Sài Gòn Thủ Thiêm (i)</i>	-	500.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Finbase</i>	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Bà Phạm Thị Ngọc Thanh</i>	33.000.000.000	-
<i>Khách hàng khác</i>	3.128.999.749	6.551.667.980
c) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	564.495.669.304	62.742.833.058
Phải thu hoạt động dịch vụ	491.669.304	286.191.058
Phải thu dịch vụ khác (ii)	564.004.000.000	62.456.642.000
<i>Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển</i>		
<i>Đầu tư Địa Ốc Châu Lục</i>	15.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần tập đoàn R&H</i>	60.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Vig Properties</i>	200.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Vital Investments group</i>	275.471.000.000	-
<i>Khách hàng khác</i>	13.533.000.000	62.456.642.000
d) Các khoản phải thu khác	12.311.871.449	12.706.169.135
Các khoản phải thu khác	12.311.871.449	12.706.169.135
Cộng	622.522.568.410	588.695.670.173

(i) Khoản đặt cọc đảm bảo giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 42-44 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho mục đích làm trụ sở của Công ty, tổng giá trị giao dịch là 650.000.000.000 VND, thời gian thực hiện giao dịch là không quá 36 tháng kể từ ngày đặt cọc. Tại ngày 5 tháng 5 năm 2021, Công ty đã thu hồi khoản tiền cọc này theo Biên bản thanh lý hợp đồng không thực hiện.

(ii) Khoản thu dịch vụ khác là phí cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu, quản lý cổ đông và các dịch vụ khác của Công ty chứng khoán.

5. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn	7.664.654.917	1.090.385.434
Chi phí thuê văn phòng	-	131.891.760
Chi phí sửa chữa	1.923.953.991	-
Chi phí Công cụ dụng cụ	2.442.508.647	121.518.349
Chi phí thuê đường truyền dẫn	38.400.000	88.151.548
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	218.115.077	87.808.382
Các chi phí khác	3.041.677.202	661.015.395
b) Dài hạn	3.293.014.511	5.501.756.869
Chi phí cải tạo văn phòng	2.228.429.797	3.819.852.990
Chi phí vật dụng văn phòng	985.425.030	1.551.047.115

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuê đường truyền dẫn	18.417.892	27.283.750
Các chi phí khác	60.741.792	103.573.014
Cộng	10.957.669.428	6.592.142.303

6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	50.000.000	20.000.000
Ký quỹ thuê kho	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ thuê máy photo	25.000.000	15.000.000
Ký quỹ dịch vụ	20.000.000	-
b) Dài hạn	4.122.629.317	2.265.293.833
Ký quỹ thuê văn phòng	4.036.629.317	2.179.293.833
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	86.000.000	86.000.000
Cộng	4.172.629.317	2.285.293.833

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.683.323.200	940.454.545	3.494.699.984	9.118.477.729
Tăng trong năm	4.611.539.400	-	-	4.611.539.400
<i>Mua sắm mới</i>	<i>4.611.539.400</i>	-	-	<i>4.611.539.400</i>
Giảm trong năm	270.600.000	-	689.303.020	959.903.020
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>270.600.000</i>	-	<i>689.303.020</i>	<i>959.903.020</i>
Số cuối năm	9.024.262.600	940.454.545	2.805.396.964	12.770.114.109
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	1.453.182.720	940.454.545	3.494.699.984	5.888.337.249
Tăng trong năm	2.691.170.213	-	-	2.691.170.213
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>2.691.170.213</i>	-	-	<i>2.691.170.213</i>
Giảm trong năm	186.037.500	-	689.303.020	875.340.520
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>186.037.500</i>	-	<i>689.303.020</i>	<i>875.340.520</i>
Số cuối năm	3.958.315.433	940.454.545	2.805.396.964	7.704.166.942
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.230.140.480	-	-	3.230.140.480
Số cuối năm	5.065.947.167	-	-	5.065.947.167
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Số đầu năm	-	940.454.545	3.494.699.984	4.435.154.529
Số cuối năm	-	940.454.545	2.805.396.964	3.745.851.509

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	21.000.673.589	10.953.787.564
Giá trị hao mòn lũy kế	(10.264.604.545)	(7.227.530.379)
Giá trị còn lại	10.736.069.044	3.726.257.185

Nguyên giá của phần mềm giao dịch chứng khoán bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.174.617.564 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.013.017.564 VND).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nâng cấp hệ thống lõi chứng khoán InvestExp V4.0	1.871.980.484	425.882.609
Cộng	1.871.980.484	425.882.609

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.199.233.152	6.584.616.106
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	4.199.233.153	354.391.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	(1)	6.230.224.726
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.887.257.603)	(231.438.253)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(1.887.257.603)	(231.438.253)
	2.311.975.549	6.353.177.853

11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.378.022.988	4.168.916.260
Mức đóng góp theo doanh số	276.995.794	50.208.981
Tiền lãi phân bổ	(217.057.630)	(238.098.047)
Cộng	4.557.961.152	4.101.027.194

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Lãi suất	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	7,8%	-	3.064.460.500.000	3.064.460.500.000	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)	3%	-	346.050.000.000	-	346.050.000.000
Cộng		-	3.410.510.500.000	3.064.460.500.000	346.050.000.000

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các Hợp đồng tín dụng số 22/2020/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 14 tháng 8 năm 2020; Hợp đồng tín dụng số 14/2021/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 09 tháng 7 năm 2021; Hợp đồng tín dụng số 14/2021/HDTD/TTKHDNL MN2/02 ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo lãi suất từ 5,5% đến 8,1%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã tắt toán toàn bộ khoản vay theo các Hợp đồng nói trên với Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ngày 20 tháng 12 năm 2021, hạn mức tín dụng là 15.000.000,00 USD tương đương 346.050.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất 3%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua trái phiếu chính phủ.

Công ty đã làm Hợp đồng hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền Số SHBVN/CCS/122021/TPS ngày 20 tháng 12 năm 2021 để phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất cho Hợp đồng vay ngày 20 tháng 12 năm 2021. Theo đó, số tiền gốc thanh toán ngày đáo hạn (5/12/2022) là 15.000.000,00 USD tương đương là 346.050.000.000 VND.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	37.524.324	2.313.188.523	1.089.658.185	1.261.054.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.165.506.202)	56.622.098.957	44.451.884.210	10.004.708.545
Thuế thu nhập cá nhân	7.085.069.950	187.750.023.069	164.462.214.258	30.372.878.761
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	-
Cộng	4.957.088.072	246.689.310.549	210.007.756.653	41.638.641.968

Trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	2.165.506.202	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>7.122.594.274</u>	<u>41.638.641.968</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**
Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
Thuế suất áp dụng
 - Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - Hoạt động khác chịu thuế suất 10%
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.10
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp thuế khác hàng năm theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí giao dịch, lưu ký	2.400.629.304	992.335.319
Chi phí lãi vay	312.867.124	-
Chi phí lãi trái phiếu	28.078.904.110	9.930.958.904
Chi phí hoạt động môi giới	-	21.857.827.083
Các chi phí khác	615.455.261	784.132.363
Cộng	31.407.855.799	33.565.253.669

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

Phải trả cổ tức, trái tức	1.472.847.159	1.626.040.159
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	19.412.500	19.412.500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1.453.434.659	1.606.627.659
Phải trả tiền mua hộ trái phiếu	3.278.041.000	93.615.259.501
Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.853.284.872	6.665.983.316
Cộng	65.604.173.031	101.907.282.976

16. Trái phiếu phát hành dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành						
BOND.TPS.2020			36			36
(i)	1.000.000.000.000	9,20%	tháng	1.000.000.000.000	9,20%	tháng
BOND.TPS.2021			60			
(ii)	1.000.000.000.000	9,20%	tháng	-	-	-
Cộng	2.000.000.000.000			1.000.000.000.000		

- (i) Trong năm 2020, Công ty đã phát hành 5 đợt trái phiếu bao gồm: BOND.TPS.2020.01, BOND.TPS.2020.02, BOND.TPS.2020.03, BOND.TPS.2020.04, BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu). Các trái phiếu được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu). Trái phiếu này được hoàn trả sau 5 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

17. Vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cộng	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Tình hình tăng vốn

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.000.000.000.000 VND từ việc phát hành 100.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021. Công ty hoàn tất việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ vào ngày 23 tháng 7 năm 2021, và đã được Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND tăng lên 2.000.000.000.000 VND vào ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Tình hình sử dụng vốn

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ vốn thu được 1.000.000.000.000 VND từ việc phát hành 100.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu đã sử dụng bổ sung vốn cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

18. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(39.483.984.042)	(128.749.980.001)
Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong năm	209.165.134.645	86.943.906.166
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong năm	(15.601.080.050)	2.322.089.793
Lỗ lũy kế cuối năm/ kỳ	154.080.070.553	(39.483.984.042)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	37.510.206.284
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	369.800.496.864	370.195.050.072
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
Cộng	<u>407.840.282.311</u>	<u>408.234.835.519</u>

b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

Sàn HNX	164.000.000.000	167.457.000.000
Sàn HOSE	121.694.810.000	59.136.940.000
Sàn Upcom	2.824.330.000	624.330.000
Cộng	<u>288.519.140.000</u>	<u>227.218.270.000</u>

c) Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Cổ phiếu	10.000	1.511.500.000
Cộng	<u>10.000</u>	<u>1.511.500.000</u>

d) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	1.204.389.878.000	98.100.000.000
Cộng	<u>1.204.389.878.000</u>	<u>98.100.000.000</u>

e) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.630.975.565.000	1.113.855.545.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.005.878.280.000	1.966.554.330.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	117.519.990.000	26.645.910.000
Cộng	<u>6.754.373.835.000</u>	<u>3.107.055.785.000</u>

f) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Cổ phiếu	415.532.280.500	24.349.090.000
Cộng	<u>415.532.280.500</u>	<u>24.349.090.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**g) Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	362.210.336.430	154.001.020.004
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>322.286.210.856</i>	<i>153.425.112.018</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>39.924.125.574</i>	<i>575.907.986</i>
Cộng	<u>362.210.336.430</u>	<u>154.001.020.004</u>

h) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	-	28.000.000.000
Cộng	-	<u>28.000.000.000</u>

i) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	322.286.210.856	153.425.112.018
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	39.924.125.574	575.907.986
Cộng	<u>362.210.336.430</u>	<u>154.001.020.004</u>

j) Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	-	28.000.000.000
Cộng	-	<u>28.000.000.000</u>

k) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.453.434.659	1.606.627.659
---	---------------	---------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
I.	Lãi bán						
	Cổ phiếu niêm yết						23.633.638
	<i>Năm nay</i>						-
	STB	8.594.100	29.087	1.345.585.552.000	1.248.722.142.549	96.863.409.451	-
	VIC	1.523.200	107.646	249.973.370.000	233.289.614.188	16.683.755.812	-
	HPG	3.687.600	54.206	163.966.300.000	152.641.862.090	11.324.437.910	-
	LPB	6.703.500	30.251	199.890.410.000	189.274.515.000	10.615.895.000	-
	Các Cổ phiếu niêm yết khác	17.932.900		202.786.975.000	189.266.773.439	13.520.201.561	-
	<i>Năm trước</i>			528.968.497.000	484.249.377.832	44.719.119.168	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết			695.000.000	671.366.362	-	23.633.638
	<i>Năm trước</i>						15.822.785
	OTC-TPMTT	1.895.000	15.831	30.000.000.000	29.984.177.215	-	15.822.785
	Trái phiếu niêm yết			3.067.098.079.259	3.062.459.668.906	4.638.410.353	-
	<i>Năm nay</i>			3.067.098.079.259	3.062.459.668.906	4.638.410.353	-
	ANC11601	4.228.558	101.790	430.423.717.462	427.449.721.438	2.973.996.024	-
	MSR118001	3.101.384	103.435	320.790.274.641	319.552.129.479	1.238.145.162	-
	Các trái phiếu niêm yết khác	21.655.670		2.315.884.087.156	2.315.457.817.989	426.269.167	-
	Trái phiếu chưa niêm yết			11.711.699.022.928	11.593.995.188.633	117.703.834.295	3.477.816.615
	<i>Năm nay</i>			11.711.699.022.928	11.593.995.188.633	117.703.834.295	-
	BCGL.2021.01	6.311.582	105.835	667.988.590.000	652.891.083.396	15.097.506.604	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
	HQN.2021.03	7.032.807	105.795	744.034.020.000	727.914.088.579	16.119.931.421	-
	HELIOS.2021.01	5.786.950	105.477	610.390.945.000	599.097.567.072	11.293.377.928	-
	HTL.2021.18	8.989.820	104.935	943.349.500.000	923.762.147.089	19.587.352.911	-
	HQN.2021.04	18.928.197	106.072	2.007.749.260.000	1.989.433.517.910	18.315.742.090	-
	Các trái phiếu chưa niêm yết khác	62.895.505		6.738.186.707.928	6.700.896.784.587	37.289.923.341	-
	<i>Năm trước</i>			<i>1.761.858.000.000</i>	<i>1.758.380.183.385</i>		<i>3.477.816.615</i>
	HTL.2019.07	1.553	100.000.000	155.300.000.000	154.729.338.849		570.661.151
	BCGL.2019.01	2.022	100.000.000	202.200.000.000	201.513.572.106		686.427.894
	Các trái phiếu chưa niêm yết khác	302.983		1.404.358.000.000	1.402.137.272.430		2.220.727.570
	Chứng chỉ tiền gửi			3.757.531.761.970	3.743.056.159.359	14.475.602.611	537.274.000
	<i>Năm nay</i>					14.475.602.611	-
	CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	8.090		818.966.460.500	813.819.724.000	5.146.736.500	-
	Các Chứng chỉ tiền gửi khác	1.167.407		2.938.565.301.470	2.929.236.435.359	9.328.866.111	-
	<i>Năm trước</i>			<i>100.000.000.000</i>	<i>99.462.726.000</i>		<i>537.274.000</i>
	CCTG.VIETCREDIT.0809.02	501	199.600.798	100.000.000.000	99.462.726.000		537.274.000
	Hợp đồng tiền gửi			2.200.010.410.959	2.200.000.000.000	10.410.959	
	<i>Năm nay</i>			2.200.010.410.959	2.200.000.000.000	10.410.959	
	Cộng					233.691.667.669	4.054.547.038

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
II.	Lỗ bán						
	Cổ phiếu niêm yết			423.460.816.700	467.412.554.522	(43.951.737.822)	
	<i>Năm nay</i>			423.460.816.700	467.412.554.522	(43.951.737.822)	
	CTG	4.492.906	31.838	143.045.177.200	169.434.740.000	(26.389.562.800)	
	Các Cổ phiếu niêm yết khác	9.785.955		280.415.639.500	297.977.814.522	(17.562.175.022)	
	<i>Năm trước</i>	-	-	-	-	-	(54.090.000)
	Trái phiếu niêm yết			936.881.648.212	937.734.882.909	(853.234.697)	
	<i>Năm nay</i>			936.881.648.212	937.734.882.909	(853.234.697)	
	ANC11601	1.011.228	100.873	102.005.780.496	102.375.555.115	(369.774.619)	
	Các trái phiếu niêm yết khác	7.391.631		834.875.867.716	835.359.327.794	(483.460.078)	
	<i>Năm trước</i>						(54.090.000)
	TD2030020	1.970.000	101.077	199.121.690.000	199.147.300.000	(25.610.000)	
	Các Trái phiếu niêm yết khác	2.390.000		239.114.190.000	239.142.670.000	(28.480.000)	
	Cổ phiếu chưa niêm yết						(15.822.785)
	<i>Năm trước</i>						(15.822.785)
	OTC-TPMTT	1.265.000	15.810	20.000.000.000	20.015.822.785	(15.822.785)	
	Trái phiếu chưa niêm yết			11.720.842.509.453	11.935.426.170.439	(214.583.660.986)	(5.151.753.629)
	<i>Năm nay</i>			11.720.842.509.453	11.935.426.170.439	(214.583.660.986)	
	BCGL.2021.01	11.593.762	102.140	1.184.190.701.000	1.210.600.022.318	(26.409.321.318)	
	HTL.2019.04	7.393.000	100.587	743.638.483.796	766.199.312.241	(22.560.828.445)	
	Các trái phiếu chưa niêm yết khác	93.605.632		9.793.013.324.657	9.958.626.835.880	(165.613.511.223)	
	<i>Năm trước</i>	7.311		731.100.000.000	736.251.753.629	-	(5.151.753.629)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
CIH052022		591	100.000.000	59.100.000.000	60.327.196.799	-	(1.227.196.799)
HTL.2019.04		2.017	100.000.000	201.700.000.000	203.000.882.855	-	(1.300.882.855)
Các Trái phiếu chưa niêm yết khác		4.703		470.300.000.000	472.923.673.975	-	(2.623.673.975)
Chứng chỉ tiền gửi				1.293.666.887.400	1.305.736.095.890	(12.069.208.490)	
<i>Năm nay</i>				<i>1.293.666.887.400</i>	<i>1.305.736.095.890</i>	<i>(12.069.208.490)</i>	
<i>Năm trước</i>							
Cộng						(271.457.841.995)	(5.221.666.414)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	1.833.280.891.115	1.821.154.621.941	(12.126.269.174)	(566.391.428)	(11.559.877.746)	9.436.288.017	(20.996.165.763)
1	Cổ phiếu niêm yết	382.668.807.855	385.976.507.050	3.307.699.195	(624.740.600)	3.932.439.795	9.435.977.157	(5.503.537.362)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	145.900.000.000	145.900.000.000	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	172.056.295.109	169.788.236.891	(2.268.058.218)	-	(2.268.058.218)	-	(2.268.058.218)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	775.694.010.151	762.528.100.000	(13.165.910.151)	58.349.172	(13.224.259.323)	310.860	(13.224.570.183)
5	Chứng chỉ tiền gửi	356.961.778.000	356.961.778.000	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	346.050.000.000	346.050.000.000	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay	1.826.492.808.483	1.826.492.808.483	-	-	-	-	-
	Cho vay hoạt động Giao dịch kỳ quỹ	1.589.434.768.857	1.589.434.768.857	-	-	-	-	-
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	237.058.039.626	237.058.039.626	-	-	-	-	-
	Cộng	4.005.823.699.598	3.993.697.430.424	(12.126.269.174)	(566.391.428)	(11.559.877.746)	9.436.288.017	(20.996.165.763)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	113.072.171.351	10.220.043.248
Từ các khoản đầu tư HTM	781.363.013	5.753.425
Từ các khoản cho vay	79.107.769.862	1.249.873.023
Cộng	192.961.304.226	11.475.669.696

4. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	83.290.643.746	18.714.861.029
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	17.526.317.078	6.368.409.091
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	181.745.533.480	26.669.182.107
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	623.773.155.291	306.470.205.479
Doanh thu khác	3.603.888.975	15.215.117.574
Cộng	909.939.538.570	373.437.775.280

5. Chi phí các dịch vụ

Chi phí hoạt động tự doanh	309.103.507	144.000.000
Chi phí môi giới chứng khoán	75.833.593.997	11.870.411.833
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	160.476.849.531	31.067.004.543
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	251.338.494.889	152.912.872.528
Cộng	487.958.041.924	195.994.288.904

6. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu lãi tiền gửi	1.380.133.783	380.759.736
Cộng	1.380.133.783	380.759.736

7. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí lãi vay	178.859.236.998	41.400.067.222
Cộng	178.859.236.998	41.400.067.222

8. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí lương và các khoản khác theo lương	65.199.985.735	30.674.943.262
BHXH. BHYT. KPCĐ. BHTN	3.398.412.867	1.957.528.502
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	631.090.931	577.442.831
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.920.007.996	932.949.882
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.559.600.888	1.426.833.582
Chi phí thuế, phí và lệ phí	28.590.412	100.161.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.570.280.633	9.066.312.867
Chi phí khác	30.540.875.318	7.491.254.460
Cộng	121.848.844.780	52.227.427.129

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	12.186.908.475	9.955.861.771
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	56.982.454	-
Nhận bồi thường, tiền phạt hợp đồng	11.837.718.423	9.955.853.091
Thu nhập khác	292.207.598	8.680
Chi phí khác	6.449.022.408	18.506.611
Lỗ thanh lý tài sản	84.562.500	18.506.250
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	98.642.578	-
Tiền bồi thường, tiền phạt hợp đồng	1.378.767.123	-
Chi phí khác	4.887.050.207	361
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	5.737.886.067	9.937.355.160

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.347.363.696	103.709.560.614
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	11.763.131.088	758.765.636
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	21.199.419.105	1.915.956.900
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(9.436.288.017)	(1.157.191.264)
Trừ: Chuyển lỗ	-	(17.566.225.828)
Tổng thu nhập chịu thuế	283.110.494.784	86.902.100.422
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	56.622.098.957	17.380.420.084

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

11. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại vào Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kỳ kế toán năm trước như sau:

Các khoản lỗ tính thuế đã sử dụng	-	18.946.225.828
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	(19.224.208.863)	(1.702.692.710)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	8.279.096.753	(776.686.634)
Doanh thu chưa thực hiện	31.151.123.629	(31.151.123.629)
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.206.011.519	(14.684.277.145)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.041.202.304	(2.936.855.429)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	210.684.062.435	89.265.995.959
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	210.684.062.435	89.265.995.959
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	145.593.562	56.143.306
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.447	1.590

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	210.684.062.435	89.265.995.959
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	210.684.062.435	89.265.995.959
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	145.593.562	56.143.306
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	145.593.562	56.143.306
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.447	1.590

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Mua sắm tài sản trong kỳ đã trả trước từ năm trước	6.000.000.000	151.526.100
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	28.078.904.110	9.930.958.904

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả trước tiền mua sắm tài sản	7.397.004.749	6.012.950.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ nay	9.930.958.904	29.589.041

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	13.064.103.660	4.891.513.504
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	17.897.187.881	12.768.990.338
Cộng	<u>30.961.291.541</u>	<u>17.660.503.842</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 1.188 m² tại phòng 404-405, lầu 4 và phòng 701-702-703 lầu 7 số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Đại ốc Châu Lục theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 76/2019/HĐKT/FIDECOLAND-TPS ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Phụ lục A điều chỉnh tăng thêm diện tích thuê ngày 18 tháng 11 năm 2021 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 160 m² tại 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Huỳnh Mỹ Thanh theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 16072018/HĐ-ORS ngày 16 tháng 7 năm 2018 được ký với thời hạn 54 tháng tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 đã thanh lý trong năm 2021.
- Tổng số tiền thuê 274 m² tại tầng 12 Tòa nhà DOJI Tower số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJI theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 691/2019/HĐT/TPS-DOJI ngày 6 tháng 9 năm 2019 và Phụ lục 2 Hợp đồng F ngày 17 tháng 4 năm 2021 được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2019.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Ông Đỗ Anh Tú
Ông Trần Sơn Hải
Bà Trương Thị Hoàng Lan
Bà Trần Thanh Hương
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm
Bà Võ Thị Xuân Lan
Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Môi quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên độc lập
Trưởng ban kiểm soát
Thành viên ban kiểm soát
Thành viên ban kiểm soát
Cổ đông Công ty chiến lược (chiếm 9.01%)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vốn điều lệ)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ		
Bà Võ Thị Xuân Lan	-	121.600.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		
Vay	3.064.460.500.000	469.859.320.772
Trả nợ vay	3.064.460.500.000	469.859.320.772
Trả lãi vay	18.798.171.129	2.267.507.690
Lãi tiền gửi	77.808.218	-
Phí bán CK	2.214.566.291	2.981.871.998
Tư vấn	18.975.000.000	-
Phí phong tỏa và chuyển nhượng	61.405.200	85.000.000
Phí môi giới	117.047.466.523	13.285.043.523
Phí chuyển khoản	-	581.537
Thuê văn phòng	357.554.957	486.609.743

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Sơn Hải	Phó chủ tịch	600.000.000	600.000.000
Ban kiểm soát			
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Bà Đặng Sỹ Thủy Tâm	Thành viên	48.000.000	14.000.000
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên	48.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên	-	34.000.000
Ông Nguyễn Thế Trung	Thành viên	-	34.000.000

3. Báo cáo theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay bao gồm các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.12 và Trái phiếu phát hành dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế))

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay, các khoản phải thu, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, các khoản phải thu khác và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.175.805.100	1.002.117.958.872
Các tài sản tài chính FVTPL	1.821.154.621.941	450.490.918.650
Các khoản cho vay	1.826.492.808.483	127.817.183.500
Các khoản phải thu	580.393.568.661	76.144.002.193
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.172.629.317	2.285.293.833
Cộng	<u>4.686.439.433.502</u>	<u>1.658.855.357.048</u>
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay/ trái phiếu	2.346.050.000.000	1.000.000.000.000
Phải trả người bán	151.596.500	324.237.500
Chi phí phải trả	66.119.930.930	55.406.916.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	31.407.855.799	33.565.253.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.604.173.031	101.907.282.976
Cộng	<u>2.509.333.556.260</u>	<u>1.191.203.690.145</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay/ trái phiếu.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay/ trái phiếu và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính....) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá chứng khoán

Các chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư....

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết của Công ty là 555.764.743.941 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm 55.576.474.394 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu, các khoản cho vay) và hoạt động tài chính (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro của các khoản phải thu là không đáng kể.

Các khoản cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.175.805.100	-	108.175.805.100
Các tài sản tài chính FVTPL	1.821.154.621.941	-	1.821.154.621.941
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	346.050.000.000	-	346.050.000.000
Các khoản cho vay	1.826.492.808.483	-	1.826.492.808.483

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Các khoản phải thu	580.393.568.661	-	580.393.568.661
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	4.172.629.317	4.172.629.317
Cộng	4.682.266.804.185	4.172.629.317	4.686.439.433.502
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay/ trái phiếu	346.050.000.000	2.000.000.000.000	2.346.050.000.000
Phải trả người bán	151.596.500	-	151.596.500
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	66.119.930.930	-	66.119.930.930
Chi phí phải trả	31.407.855.799	-	31.407.855.799
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.604.173.031	-	65.604.173.031
Cộng	509.333.556.260	2.000.000.000.000	2.509.333.556.260
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.172.933.247.925	(1.995.827.370.683)	2.177.105.877.242
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.002.117.958.872	-	1.002.117.958.872
Các tài sản tài chính FVTPL	450.490.918.650	-	450.490.918.650
Các khoản cho vay	127.817.183.500	-	127.817.183.500
Các khoản phải thu	76.144.002.193	-	76.144.002.193
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	2.285.293.833	2.285.293.833
Cộng	1.656.570.063.215	2.285.293.833	1.658.855.357.048
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay/ trái phiếu	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Phải trả người bán	324.237.500	-	324.237.500
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	55.406.916.000	-	55.406.916.000
Chi phí phải trả	33.565.253.669	-	33.565.253.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.907.282.976	-	101.907.282.976
Cộng	191.203.690.145	1.000.000.000.000	1.191.203.690.145
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.465.366.373.070	(997.714.706.167)	467.651.666.903

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 4, Tầng 7 Tòa nhà Ruby số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi thứ 13 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc chuyển địa điểm trụ sở chính về số 81-83-85 đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính